

**HTÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ K CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 tháng 12 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ K CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần K đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các K thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Ông Nguyễn Văn Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tôn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn LS, xã TD, huyện LG, tỉnh B.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Duy K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 01, ngõ 51, đường NDN, phường TX, thành phố B, tỉnh B.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Tôn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Duy K đăng ký kết hôn ngày 19/01/2006 tại UBND phường TX, thành phố B, tỉnh B. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau khi kết hôn, chị và anh K chung sống tại phường TX, thành phố B, tỉnh B. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K chơi bời, không quan tâm đến gia đình, không đóng góp tiền để chị nuôi con, thường xuyên xúc phạm vợ con. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần

nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, sống không hạnh phúc. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào tháng 7/2022, anh K đi uống rượu về vô cớ chửi mẹ con chị. Vì quá bức xúc, không thể chịu đựng thêm được nữa, chị về nhà ngoại ở, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là Hoàng Duy A sinh ngày 23/10/2006 và Hoàng Anh Q sinh ngày 13/9/2009. Hiện nay, hai con đều đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân công ty cổ phần may LG BGG, thu nhập khoảng 15-20 triệu triệu/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Hoàng Duy K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tôn Thị H đăng ký kết hôn ngày 19/01/2006 tại UBND phường TX, thành phố B, tỉnh B và đã được cấp giấy đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn, anh và chị H có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới, chị H và anh cùng nhau chung sống với nhau ngay tại số 01, ngõ 51, đường NDN, phường TX, thành phố B, tỉnh B. Anh không biết vì sao chị H xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đầu tháng 7/2022, giữa anh và chị H có xảy ra xích mích. Nguyên nhân do chị H đi làm về muộn, anh có lo lắng gọi điện nhưng chị H không nghe máy, chỉ nhắn tin lại cho anh là đã về nhà. Khi anh về nhà có hỏi chị H tại sao không nghe máy thì chị H không trả lời anh nên anh không tìm chế được, chửi chị H. Sau đó chị H bỏ về nhà ngoại sinh sống. Từ khi chị H về nhà ngoại, anh thường xuyên liên lạc để động viên chị H về đoàn tụ, nhưng chị H không về, cương quyết xin ly hôn. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý, mong chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Hoàng Duy A sinh ngày 23/10/2006 và Hoàng Anh Q sinh ngày 13/9/2009. Hiện nay, hai con đều đang ở cùng với chị H. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi cả hai con chung và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm việc tại Công ty cổ phần in B, thu nhập đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.

- Tại Biên bản làm việc ngày 02/12/2022, tổ trưởng tổ dân phố số 2, phường TX cung cấp: Quá trình anh K và chị H chung sống có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đã ly thân, không còn chung sống với nhau tại địa phương nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm được.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Tôn Thị H xin vắng mặt, giữ nguyên quan điểm trong hồ sơ vụ án.

- Bị đơn anh Hoàng Duy K trình bày: Nay chị H đã cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung Hoàng Anh Q và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, K đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị K đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Thị H được ly hôn anh Hoàng Duy K.

- Về con chung: Giao chị Tôn Thị H nuôi con chung Hoàng Duy A-sinh ngày 23/10/2006; Giao anh Hoàng Duy K nuôi con chung Hoàng Anh Q-sinh ngày 13/9/2009. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Duy K cư trú tại phường TX, thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K kết hôn ngày 19/01/2006 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TX, thành phố B, tỉnh B

và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh K có mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 07/2022 đến nay. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn, tại phiên tòa anh K đồng ý ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc ly hôn anh Hoàng Duy K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị H và anh K có hai con chung là Hoàng Duy A sinh ngày 23/10/2006 và Hoàng Anh Q sinh ngày 13/9/2009. Sau khi ly hôn, chị H và anh K đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy, chị H và anh K đều có việc làm, nơi ở ổn định, nên cần giao cho chị H nuôi dưỡng con chung Hoàng Duy A-sinh ngày 23/10/2006 và giao anh K nuôi dưỡng con chung Hoàng Anh Q-sinh ngày 13/9/2009 đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Anh K, chị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Thị H được ly hôn anh Hoàng Duy K.

2. Về con chung: Giao chị Tôn Thị H nuôi con chung Hoàng Duy A- sinh ngày 23/10/2006. Giao anh Hoàng Duy K nuôi con chung Hoàng Anh Q-sinh ngày 13/9/2009. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Chị H, anh K đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001718 ngày 04/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND p.TX, TP B, tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M K ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Phương Thảo

